TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/DS-ST
Ngày: 11 - 7 - 2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị Thu Hà**.
2. Ông: **Đinh Minh Phương** .

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ H - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 497/2023/TLST – DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số B, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện pháp luật: Ông Phạm Toàn V. Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N1.

Chi nhánh thực hiện:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện V.

Địa chỉ: A N, khóm B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền là bà **Nguyễn Thị Việt H1**, sinh năm: 1976. Chức vụ: Giám đốc N hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Nguyễn Thị Việt H1** là ông **Phạm Văn Đ**, sinh năm: 1974 (theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2023) (có mặt).

Địa chỉ: ấp R, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Việt T** – sinh năm: 1970 (vắng).

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2023, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Văn Đ trình bày:

Ông Nguyễn Việt T có vay tại Ngân hàng N1, chi nhánh huyện V tại hợp đồng thấu chi số 7303-LAV-202201483 số tiền cấp hạn mức thấu chi 100.000.000đ ngày ký hợp đồng 16/3/2022, hạn trả cuối cùng 15/3/2023, lãi suất 7,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, biện pháp bảo đảm tiền vay: cho vay không có bảo đảm tài sản. Ông T đã rút sử dụng số tiền khấu chi là 91.172.817đ nhưng ông T không có đóng lãi, tính đến ngày 03/6/2023 thì ông T còn nợ ngân hàng số tiền lãi là 15.883.000đ, theo quy định thì Ngân hàng nhập số tiền lãi vào số tiền vốn nên tính đến ngày 17/10/2023 thì ông T còn nợ ngân hàng tổng cộng số tiền là 107.056.11đ. Hiện khoản vay của ông T đã quá hạn.Tính đến ngày 11/7/2024 ông T còn nợ là 107.056.117đ, tiền lãi là 16.744.750đ. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 123.800.867đ.

Ông T có ủy quyền cho Ngân hàng N1, chi nhánh huyện V tại giấy ủy quyền ngày 16/3/2022 được thụ hưởng số tiền chi trả bảo hiểm xã hội số 5696007827 để thu hồi nợ gốc, lãi và các khoản phí (nếu có) tại hợp đồng thấu chi số 7303-LAV-202201483 trường hợp ông T nghỉ việc.

Sau đó ngân hàng có nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền vay cho ngân hàng nhưng ông T không trả.

Nay Ngân hàng N1, chi nhánh huyện V yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 11/7/2024 là 123.800.867đ. Trong đó vốn 107.056.117đ, tiền lãi là 16.744.750đ và yêu cầu ông T phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng thấu chi số 7303-LAV-202201483 ngày 16/3/2022 kể từ ngày 12/7/2024 đến ngày ông T trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội theo số 5696007827 của ông T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng N1 chi nhánh huyện V ông Phạm Văn Đ rút lại yêu cầu xử lý tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội theo số 5696007827 của ông T để thu hồi nợ.

Bị đơn ông T đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử sơ thẩm. Xét việc vắng mặt của ông T không gây trở ngại cho việc xét xử nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án

đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử tuân thủ theo khoản 1 Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1.

Buộc ông Nguyễn Việt T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 số tiền 107.056.117đ, số tiền lãi là 16.744.750đ. Tổng cộng là 123.800.867đ (Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm nghìn tám sáu mươi bảy đồng), Ngân hàng N1 được quyền tính lãi liên tục theo hợp đồng thấu chi số 7303 - LAV-202201483 ngày 16/3/2022 cho đến khi ông Nguyễn Việt T trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng N1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Việt T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.190.000đ (Sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngân hàng N1 không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí là 2.771.000đ (Hai triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008601 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn Ngân hàng N1, chi nhánh huyện V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ngân hàng và bị đơn ông T. Ông T có nơi cư trú tại ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Tại biên bản xác minh ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm do Ủy ban nhân xã H, huyện V cung cấp thì ông T hiện nay vẫn còn thường trú tại ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long nhưng ông T không có mặt

tại địa phương. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông T vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T cũng không đến Toà án. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng thấu chi giữa Ngân hàng N1, chi nhánh huyện V và ông T được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Nay Ngân hàng N1, chi nhánh huyện V yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 11/7/2024 là 123.800.867đ, trong đó vốn 107.056.117đ, tiền lãi là 16.744.750đ và yêu cầu ông T phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng thấu chi số 7303-LAV-202201483 ngày 16/3/2022 kể từ ngày 12/7/2024 đến ngày ông T trả hết nợ cho Ngân hàng.

Xét tại hợp đồng thấu chi số 7303-LAV-202201483 ngày 16/3/2022, bên cho vay Ngân hàng N1, chi nhánh huyện V, bên vay ông Nguyễn Việt T, hạn mức thấu chi 100.000.000đ, lãi suất cho vay thấu chi là 7,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay thấu chi trong hạn. Thời hạn cấp hạn mức thấu chi: 01 năm kể từ ngày 16/3/2022. Hình thức bảo đảm tiền vay: không có bảo đảm tài sản. Đại diện bên cho vay ký xác nhận, bên vay là ông T ký tên và ghi họ tên. Tại văn bản thỏa thuận số 01/2020/TTVV- CBCNV ngày 01/01/2022 bên A: A chi nhánh huyện V, bên B: Trường Tiểu học T1 do ông Nguyễn Việt T chức vụ: hiệu trưởng, có đại diện bên A ký xác nhận và đại diện bên B là ông Nguyễn Việt T ký xác nhận. Đồng thời tại Điều III trách nhiệm của bên B là bên vay "Nếu cán bộ công nhân viên nghỉ làm việc nhưng vẫn còn nợ A chi nhánh huyện V thì bên B có trách nhiệm thông báo ngay cho A biết đồng thời trích trợ cấp thôi việc để trả dứt nợ vay cho A (cả gốc và lãi).

Do tại thời điểm ông T vay thấu chi của ngân hàng thì ông T là hiệu trưởng của trường tiểu học T1, vay thấu chi qua tài khoản thẻ, không có bảo đảm tài sản, hạn trả cuối cùng 15/3/2023, khoản vay của ông T đã quá hạn. Tại Quyết định số 2390/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 quyết định về việc xử lý kỷ luật viên chức đối với ông Nguyễn Việt T, hiệu trưởng trường Tiểu học T1 bằng hình thức "Buộc thôi việc" lý do ông T tự ý nghỉ việc không có lý do chính đáng từ ngày 02/3/2023 đến ngày 26/5/2023. Thời hạn thi hành kỷ luật đối với ông T được tính kể từ ngày 01/6/2023. Sau khi đến hạn trả nợ ngân hàng có nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền vay cho ngân hàng nhưng ông T không trả. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì ông T vắng mặt không có lý do.

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1. Buộc ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 số tiền vay vốn 107.056.117đ, số tiền lãi là 16.744.750đ. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 123.800.867đ (Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng). Ngân hàng N1 được quyền tính lãi liên tục theo hợp đồng thấu chi số 7303-LAV-202201483 ngày 16/3/2022 cho đến khi ông T trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng N1.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng N1 chi nhánh huyện V ông Phạm Văn Đ rút lại yêu cầu xử lý tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội theo số 5696007827 của ông T để thu hồi nợ nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.190.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1.

Buộc ông Nguyễn Việt T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 số tiền vay 107.056.117đ, số tiền lãi là 16.744.750đ. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 123.800.867đ (Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng), Ngân hàng N1 được quyền tính lãi liên tục theo hợp đồng thấu chi số 7303-LAV-202201483 ngày 16/3/2022 đối với số tiền vốn 100.000.000đ cho đến khi ông Nguyễn Việt T trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng N1.

Ngân hàng N1 chi nhánh huyện V ông Phạm Văn Đ rút lại yêu cầu xử lý tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội theo số 5696007827 của ông T để thu hồi nợ nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Việt T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.190.000đ (Sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)

Ngân hàng N1 không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí là 2.771.000đ (Hai triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008601 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt

có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh